

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA  
**SỞ TÀI CHÍNH**

Số: 7304 /TB-STC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 12 năm 2022

## THÔNG BÁO

### Về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2023

Kính gửi: Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp tỉnh

Căn cứ Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Thanh Hóa.

Sở Tài chính thông báo dự toán thu, chi NSNN năm 2023 cho đơn vị như sau:

- Dự toán thu, chi được giao:** (Theo phụ lục đính kèm)
- Hình thức cấp phát:** Cấp theo hình thức thông báo dự toán.
- Căn cứ dự toán được giao, thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm:**

Lập phương án chi tiết các khoản thu và phân bổ chi tiết dự toán chi ngân sách nhà nước theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao, gửi Sở Tài chính để nhập dự toán chi NS vào hệ thống thông tin quản lý NS và Kho bạc (TABMIS), gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để kiểm soát chi theo qui định hiện hành của Bộ Tài chính.

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được NSNN hỗ trợ, gửi số liệu công khai về Sở Tài chính để tổng hợp.

Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để phối hợp giải quyết. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- KBNN;
- Lưu: VT, TC-HCSN.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tứ

**DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2023**

**Đơn vị: Trường Cao đẳng Nông nghiệp**

*(Kèm theo Thông báo số 7304/STC-TB ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài chính)*



**Chương 412**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
				Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ	Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ
		<b>Dự toán chi Ngân sách Nhà nước</b>	<b>17 792</b>	<b>13 316</b>	<b>4 476</b>
		<b>I. Dự toán chi hoạt động thường xuyên</b>	<b>16 842</b>	<b>13 316</b>	<b>3 526</b>
<b>070</b>	<b>093</b>	<b>1. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo</b>	<b>16 842</b>	<b>13 316</b>	<b>3 526</b>
		<b>a. Chi theo định mức</b>	<b>13 316</b>	<b>13 316</b>	
		- Chế độ và nghiệp vụ	13 316	13 316	
		<b>b. Chi nhiệm vụ đặc thù</b>	<b>3 526</b>		<b>3 526</b>
		- Chính sách nội trú đối với HS, SV học CĐ, TC theo QĐ 53/2015/QĐ-TTg	1 456		1 456
		- Kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí theo NĐ 81	1 227		1 227
		- KP sửa chữa giảng đường theo TT 65/2021/TT-BTC	497		497
		- Kinh phí di chuyển trụ sở do sáp nhập và mua sắm bổ sung thiết bị	346		346
		<b>II. Chi từ nguồn TW bổ sung vốn SN và CTMT</b>	<b>950</b>		<b>950</b>
<b>280</b>	<b>338</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia XD nông thôn mới từ nguồn chuyển nguồn TW bổ sung vốn sự nghiệp năm 2022 chuyển sang (*)</b>	<b>950</b>		<b>950</b>
		KP hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn (00490-00493)	950		950

Ghi chú:

1. Dự toán chi ngân sách trên đã trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương.
2. Đối với chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới (\*): đơn vị được giao kinh phí lập dự toán báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

*gmr*